TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2022
V/v ***"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Huỳnh Thị Kim Phượng***

Các Hội thẩm nhân dân: ***1. Bà Trần Thị Kim Tân.***

2. Ông Phạm Quang Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải *- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Diến.***

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **252**/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc **"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **580**/2021/QĐXXS-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số **08**/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*: Ông Nguyễn D,** sinh năm 1959 (Vắng mặt).

**** Bị đơn*: Bà Phạm Thị N**, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 2, ấp Đông Minh, xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn D trình bày:***

Ông và bà Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau năm 1989 không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà Nề thiếu trách nhiệm đối với gia đình, đam mê cờ bạc, tình cảm ngày một lạnh nhạt

không hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng ra sống riêng và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, khó để hàn gắn đoàn tụ nên ông có yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 04 con chung; cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1990, cháu Nguyễn Tường V1, sinh năm 1992, cháu Nguyễn Thị Tường V2, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Tường V3, sinh ngày 12/11/2005, ông đồng ý giao cháu V3 cho bà N nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng*(Một triệu đồng)*.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:***

Bà xác nhận thời gian kết hôn cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung như lời ông Nguyễn D trình bày. Theo bà N khai thì ông D thường nghe lời người ngoài về nhà kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập bà, nhưng vì các con bà chịu đựng chung sống, nay bà nhận thấy bà vẫn còn tình cảm với ông D nên muốn hàn gắn đoàn tụ. Hiện ông D đã ra sống riêng từ năm 2020 và vợ chồng ly thân từ thời gian đó.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung, 03 chàu đã trưởng thành còn cháu Nguyễn Tường V3, sinh ngày 12/11/2005 chưa trưởng thành nếu ông D ly hôn bà có yêu cầu nuôi cháu V3 và yêu cầu ông D đóng góp phí tổn nuôi con hàng tháng là 5.000.000 đồng*(Năm triệu đồng)*.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

Căn cứ các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 53, 81, 82, 83 84 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Không công nhận ông Nguyễn D và bà Phạm Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V3, sinh ngày 12/11/2005 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi và có khả năng lao động và ông D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng.*(Một triệu đồng)*

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn D khởi kiện xin ly hôn với bà Phạm Thị N, có địa chỉ tại tổ 2, ấp Đông Minh, xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: ***"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",*** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: ông Nguyễn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với bà Phạm Thị N. Xét yêu cầu khởi kiện của ông D Hội đồng xét xử nhận định:

Mâu thuẫn trong vợ chồng ông D, bà N đã xảy ra nhiều năm, sự bất đồng trong vợ chồng thường xuyên xảy ra, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày một lạnh nhạt không hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng sống ly và không còn quan tâm lẫn nhau. Nay ông D yêu cầu ly hôn với bà N bà không đồng ý vì bà cho rằng bà vẫn còn tình cảm với ông.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà N. Tuy nhiên ông D và bà N chung sống với nhau năm 1989, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án tuyên bố không công nhận ông D và bà N là vợ chồng là phù hợp với quy định tại điểm b, mục 3 của Nghị quyết số: **35**/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông D, bà N về việc giao cháu Nguyễn Tường V3, sinh ngày 12/11/2005 cho bà N nuôi dưỡng đến 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về mức cấp dưỡng bà N yêu cầu ông D đóng góp phí tổn nuôi con 5.000.000 đồng*(Năm triệu đồng)*. Ông D chỉ đồng ý đóng góp phí tổn nuôi con 1.000.000 đồng*(Một triệu đồng)*. Tại (bút lục số 51) lời khai ông D thể hiện do đã lớn tuổi, thu nhập thấp trung bình 01 tháng gần 5.000.000 đồng*(Năm triệu đồng)* trừ chi phí sinh hoạt trong tháng ông chỉ còn gần 2.000.000 đồng*(Hai triệu đồng)* nên ông chỉ có khả năng đóng góp phí tổn nuôi con 1.000.000 đồng*(Một triệu đồng)* tháng.

Xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con do bà N đưa ra là chưa phù hợp với khoảng thu nhập hàng tháng của ông D, hiện ông D đã 63 tuổi, sức khỏe cũng giảm sút, thu nhập ông D thấp nên việc ông đóng góp phí tổn nuôi con 1.000.000 đồng*(Một triệu đồng)* tháng là phù hợp với khoảng thu nhập hàng tháng của ông. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận mức cấp dưỡng ông D trợ cấp nuôi con là 1.000.000 đồng*(Một triệu đồng)*.

[5] Về tài sản chung: các bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ông Nguyễn D phải nộp 300.000đ*(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ*(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát: là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị Bản án theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khỏan 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b, mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội 10.

- Căn cứ Điều 9, khoản 1, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 53, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn D và bà Phạm Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V3, sinh ngày 12/11/2005 cho bà N nuôi dưỡng đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông D đóng góp phí tổn nuôi con hàng tháng là: 1.000.000đ*(Một triệu đồng).*

Ông Nguyễn D được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, bà N, ông D được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

4. Về án phí: Ông Nguyễn D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông D đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0004931 ngày 08/4/2021 được tính trừ vào án phí.

Ông Nguyễn D và bà Phạm Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Lang Minh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, ồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Phượng

Xuân Lộc, ngày 20 tháng 4 năm 2022.

BÁO CÁO ÁN XÉT XỬ

Hồ sơ Ly hôn số: 543/2021 ngày 19/11/2021, về việc: ***" Ly hôn, tranh cấp nuôi con"*** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh Nhàn**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp Trung Sơn, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Ông Trương Văn Thanh**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 269, đường Ngô Quyền, kp 1, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG

Chính thức năm 2019 bà Nhàn và ông Thanh kết hôn với nhau, tại UBND xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tỉnh. Cuộc sống chung hạnh phúc có 01 con chung: Trương Ngọc Ánh, sinh ngày 01/10/2019.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẩn:

* Theo lời trình bày của bà Nhàn: do ông Thanh thường ghen tuông vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm và không tôn trọng bà, thiếu trách nhiệm trong gia đình, không có sự thương yêu và chia sẽ với bà. Chính thức vợ chồng ly thân từ tháng 05/2021, cả hai cũng không gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ. Nay về tình cảm bà nhận thấy không còn yêu thương ông Thanh nữa nên có yêu cầu được ly hôn.

-Về con chung: Bà có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Ánh, sinh ngày 01/10/2019 và không yêu cầu ông Thanh đoáng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

* Theo lời trình bày của Ông Trương Văn Thanh: Ông thừa nhận thời gian kết hôn cũng như con chung và tài sản chung như bà Nhàn đã khai.

Nguyên nhân mâu thuẩn là do bà Nhàn có biểu hiện không tôn trọng ông, lại nghi ngờ ông có suy nghĩ tơ tưởng nghen tuông, mâu thuẩn giữa ông và mẹ cô Nhàn, không được sự tôn trọng và không có tiếng nói chung. Kéo dài đến tháng 5/2021 vợ chồng ly thân, ông dọn ra ngoài sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng không gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ.

Nay bà Nhàn có đơn yêu cầu ly hôn ông muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà Nhàn.

ĐỀ XUẤT

- Về tình cảm:

Xét thấy tình cảm giữa bà Nhàn và ông Thanh ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay, cả hai cũng không gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ, bà Nhàn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn vì tình cảm không còn. Vì vậy, chấp nhận cho bà Võ Thị Thanh Nhàn được ly hôn với ông Trương Văn Thanh.

- Về con chung: Ghi nhận việc thỏa thuận về việc giao cháu Trương Ngọc

Ánh, sinh ngày 01/10/2019 cho bà Nhàn nuôi dưỡng, bà Nhàn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Ý KIẾN LÃNH ĐẠO:

……
……
……
……
……
……

Thẩm phán

Huỳnh Thị Kim Phượng

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Lang Minh;
- Các đương sự; Lưu hs.

Huỳnh Thị Kim Phượng

Xuân Lộc, ngày 18 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO ÁN XÉT XỬ

*** Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Yến,** sinh năm 1963.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Quang,** sinh năm 1950

Địa chỉ: số 74 A, đường Ngô quyền, tổ 2, khu 4, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG

**** Về nội dung vụ án:***

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2021, bản tự khai, nguyên đơn bà Hoàng Thị Yến trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Xuân Quang tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung

sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kiện Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Quang với tính tình rất độc đoán, gia trưởng thường xuyên có những lời nói không tôn trọng bà, làm cho bà lúc nào cũng căng thẳng về mặt tinh thần, sức khỏe ngày một giảm sút, không khí trong gia đình rất nặng nề. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, khó để hàn gắn đoàn tụ nên bà có yêu cầu ly hôn với ông Quang.

Vợ chồng chung sống không có con chung

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân Quang đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên (tại bút lục số 20 và 21) ông Quang có gửi giấy xác nhận do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Kim Thúy, tại số chứng thực: 16.2021/CNCK, Quyển số 01-SCT/CK,ĐC ngày 14/01/2021 ông Quang có khai ông và bà Hoàng Thị Yến, sinh năm 1963 là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102 do Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/5/2019. Nay bà Yến có yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

ĐỀ XUẤT:

- Về hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị Yến và ông Nguyễn Xuân Quang.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

*** Ý kiến lãnh đạo:**

……

……

……

……

……

……

……

Thẩm phán

Huỳnh Thị Kim Phượng